

**TAND HUYỆN TAM ĐƯỜNG
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST
Ngày 08/02/2023
(V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐƯỜNG, TỈNH LAI CHÂU
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Tuyết

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tịnh; Bà Nguyễn Thị Hải

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Sùng A Thắng – Thư ký Tòa
án nhân dân huyện Tam Đường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đường tham gia phiên tòa:
Bà: **Bùi Thị Tính** Kiểm sát viên

Ngày 08/02/2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai
Châu, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 02/2022/TLST - HNGĐ,
ngày 17 tháng 10 năm 2022, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn,
theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng
12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/QĐST-HNGĐ ngày 12/01/2023
giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị Q, sinh năm 1992

Địa chỉ: Bản CL, xã HT, huyện TĐ, tỉnh Lai Châu (có mặt).

Bị đơn: Anh Phan A G, sinh năm 1993

Địa chỉ: Bản CL, xã HT, huyện TĐ, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 17/10/2022 và biên bản ghi lời khai tại Tòa án
nguyên đơn chị Phan Thị Q trình bày: Chị và anh Phan A G đăng ký kết hôn ngày
09/11/2012 tại UBND xã HT, huyện TĐ, tỉnh Lai Châu. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện.
Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, đến khoảng tháng 6/2021
bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do hai vợ chồng
không hợp tính tình, thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau. Nay nhận thấy tình trạng
hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân
không đạt được nên chị Q đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Q được ly hôn với anh
Phan A G.

Về con chung: Chị Q và anh G có 02 con chung là cháu Phan Thị H sinh ngày 06/11/2012 và cháu Phan Thảo V sinh ngày 03/3/2019. Nay ly hôn chị Q có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là cháu Phan Thị H và Phan Thảo V cho đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị Q không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Q và anh G tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, cho vay chung: Chị Q và anh G không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay chị Q chăn nuôi lợn và làm các công việc tự do như cấy thuê, gặt thuê thu nhập 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/tháng.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 17/10/2022 bị đơn Phan A G trình bày: anh và chị Q đăng ký kết hôn ngày 09/11/2012 tại UBND xã HT, huyện TĐ, tỉnh Lai Châu. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, đến tháng 7/2022 chị Q nói là gửi đơn ly hôn thì anh chị mới mâu thuẫn, cãi vã. Nay chị Q yêu cầu ly hôn anh không đồng ý ly hôn vì anh vẫn yêu vợ, tH con, mong vợ suy nghĩ lại để cùng nuôi dạy con cái. Về con chung: anh chị có 02 con chung là cháu Phan Thị H sinh ngày 06/11/2012 và cháu Phan Thảo V sinh ngày 03/3/2019. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là cháu Phan Thị H và Phan Thảo V cho đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh G yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000 đồng/tháng. Nếu giao các con chung cho anh G, anh sẽ nhờ bố, mẹ và em trai của anh chăm sóc các cháu. Vấn đề tài sản chung, nợ chung, cho vay chung anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay anh G đang làm công nhân tại công ty SRTECH tại thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh thu nhập 7.000.000 đồng - 8.000.000 đồng/tháng nhưng không có bảng lương nộp cho Tòa án. Anh G yêu cầu Tòa án gửi các văn bản cho anh G theo địa chỉ tại công ty SRTECH tại thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Biên bản ghi lời khai ngày 17 tháng 10 năm 2022 của cháu Phan Thị H thể hiện: Cháu H là con chung của anh Phan A G và chị Phan Thị Q, cháu không có tài sản riêng. Nay chị Q, anh G ly hôn cháu H có nguyện vọng được ở với anh G.

Ngày 22/11/2022 chị Phan Thị Q có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải do vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Sau khi ban hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo phiên họp cho anh G theo địa chỉ mà anh G cung cấp và tiến hành giao thông báo phiên họp cho bố đẻ của anh G là ông Phan A Sảo. Tuy nhiên, văn bản thông báo phiên họp gửi cho anh G theo địa chỉ anh G cung cấp đã bị chuyển hoàn do thiếu địa chỉ.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 27/12/2022 anh Phan A G vắng mặt không có lý do. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh Phan A G

hợp lệ theo đúng quy định pháp luật.

Ngay sau khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Phàn A G. Tại phiên tòa sơ thẩm xét xử ngày 12 tháng 01 năm 2023, bị đơn anh Phàn A G vắng mặt không có lý do, HĐXX thảo luận và quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa tuy nhiên anh G vắng mặt không có lý do.

Tại biên bản xác minh ngày 12 tháng 12 năm 2022 giữa Tòa án nhân dân huyện TĐ và chính quyền địa phương thể hiện: Anh Phàn A G, chị Phàn Thị Q đăng ký kết hôn ngày 09/11/2012 tại số 17 quyền số 01/2012. Ủy ban nhân dân xã không nắm được tình trạng hôn nhân của anh G và chị Q tuy nhiên hiện nay chị Q và anh G đã sống ly thân. Đối với thu nhập bình quân của lao động tại địa phương là 36.500.000 đồng/ năm. Ủy ban nhân dân xã HT đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề con chung theo quy định của pháp luật. Hiện tại anh G không có mặt tại địa phương và không thực hiện thủ tục đăng ký tạm trú ở đâu. Hiện nay anh G làm gì, ở đâu địa phương và gia đình không nắm được nên không cung cấp được địa chỉ hiện tại của anh G.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Q vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề chia tài sản chung, nợ chung, cho vay chung. Việc nuôi con: Từ khi chị Q và anh G ly thân từ tháng 6 năm 2021 cho đến nay anh G là người trực tiếp chăm sóc con chung là Phàn Thị H, hiện cháu đang học bán trú lớp 5 Trường Tiểu học HT, nay anh G đi làm ăn xa thì để cháu H ở nhà với ông bà nội của cháu, còn chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phàn Thảo V. Nay ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phàn Thảo V cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động và để cho anh G được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phàn Thị H cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị Q và anh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TĐ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi vụ án được đưa ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, chính xác trình tự thủ tục tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cũng như các văn bản pháp lý liên quan. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử là đảm bảo đúng quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; áp dụng Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí

Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn. Về con chung đề nghị giao con chung Phan Thảo V cho chị Q nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, giao cháu Phan Thị H cho anh G được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị Q và anh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung do nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết và miễn án phí cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện ý kiến của đương sự Hội đồng xét xử có cơ sở nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn có nơi cư trú tại bản CL, xã HT, huyện TĐ, tỉnh Lai Châu. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TĐ, tỉnh Lai Châu.

Bị đơn anh Phan A G đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay anh Phan A G vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Phan A G.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Q và anh Phan A G có đăng ký kết hôn tại UBND xã HT, huyện TĐ trên cơ sở tự nguyện, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh G là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị Phan Thị Q, anh Phan A G chung sống với nhau hạnh phúc, thời gian từ tháng 6/2021 mới phát sinh mâu thuẫn. Kết quả xác minh tại địa pH cho thấy quan hệ hôn nhân của anh Phan A G và chị Phan Thị Q hiện nay đã ly thân. Chị Phan Thị Q đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Q và anh G đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh G là có cơ sở, HĐXX cần căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xin ly hôn với bị đơn.

[3]. Việc nuôi con: Chị Phan Thị Q và anh Phan A G có 02 con chung là Phan Thị H sinh ngày 06/11/2012 và cháu Phan Thảo V sinh ngày 03/3/2019. Chị Phan Thị Q có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phan Thảo V cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, và để cho anh G được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phan Thị H cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, chị Q và anh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Phan A G có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là cháu Phan Thị H và Phan Thảo V cho đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh G yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng nuôi con chung là 4.000.000 đồng/tháng. Xét nguyện vọng nuôi con và điều kiện chăm sóc con chung của chị Q anh G, xét thấy anh Phan A G khai thu nhập 7.000.000 đến 8.000.000 đồng/tháng và chị Q khai thu nhập là 4.000.000 đến 5.000.000 đồng/tháng, tuy nhiên anh G và chị Q đều không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh cho thu nhập của mình, do vậy Tòa án căn cứ vào thu nhập bình quân của lao động tại địa p H để làm căn cứ tính thu nhập của các bên đương sự thì cả hai anh chị đều có thu nhập để thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Tuy nhiên, hiện nay cháu Phan Thảo V còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ hơn. Từ lúc ly thân cho đến nay anh G là người nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phan Thị H và cháu H cũng có nguyện vọng được ở với anh G. Do vậy, để đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung một cách tốt nhất cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phan Thị Q, giao cháu Phan Thảo V cho chị Phan Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, giao cháu Phan Thị H cho anh Phan A G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, anh Phan A G đề nghị chị Q cấp dưỡng nuôi hai con chung là 4.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, cả nguyên đơn và bị đơn đều nuôi con chung, anh G và chị Q đều có thu nhập đảm bảo cho việc nuôi con nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung, do vậy yêu cầu cấp dưỡng của anh G là không phù hợp. Nguyên đơn, bị đơn không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở.

[4]. Về chia tài sản: tài sản chung, nợ chung, cho vay chung nguyên đơn, bị đơn đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phan Thị Q.

2. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Phan Thị Q được ly hôn với bị đơn Phan A G.

3. Việc nuôi con: Giao cháu Phan Thảo V sinh ngày 03/3/2019 cho chị Phan Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, giao cháu Phan Thị H sinh ngày 06/11/2012 cho anh G được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị Phan Thị Q và anh Phan A G không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Phan Thị Q và anh Phan A G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

4. Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn Phan Thị Q được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày lên Toà án cấp trên kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày lên Toà án cấp trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện TĐ;
- Chi cục THADS huyện TĐ;
- UBND xã HT;
- Đương sự;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Thị Tuyết